TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37/2025/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 28 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Ông Phạm Từ B, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ 4, phường Hội P (phường Chi L, thành phố P cũ), tỉnh G.

+ Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 4, phường Hội P (phường Chi L, thành phố P cũ), tỉnh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/7/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Từ B và bà Đỗ Thị T tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, cả hai đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Hội P (phường Hội P, thành phố P cũ), tỉnh G vào ngày 12/10/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau hai người con. Cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc cho tới thời gian gần đây cả hai bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai không có tiếng nói chung, không hoà hợp nhau về tính tình, về cách sống và quan điểm sống. Đến năm 2024, ông, bà bắt đầu sống ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì với ai. Hiện nay, ông bà không còn tình cảm gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ông Phạm Từ B và bà Đỗ Thị T thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Ông Phạm Từ B và bà Đỗ Thị T có bốn con chung là cháu Phạm Từ Hoàng N, sinh ngày 11/6/2000; Phạm Từ Tuấn A, sinh ngày 09/4/2003; Phạm Từ Thanh T, sinh ngày 02/3/2007 và Phạm Từ Bảo P, sinh ngày 18/02/2011. Các con Phạm Từ Hoàng N, Pham Từ Tuấn A và Phạm Từ Thanh T đã trưởng thành và tự lập được. Riêng cháu Phạm Từ Bảo P còn đang đi học, ly

hôn, các đương sự thống nhất giao cháu P cho cha là Phạm Từ B trực tiếp chăm sóc chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phạm Từ Bảo P thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Bà T và ông B tự nguyện thoả thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Ông B và bà T tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông B và bà T tự nguyện chịu để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Phạm Từ B và bà Đỗ Thị T thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phạm Từ B và bà Đỗ Thị T có bốn con chung là cháu Phạm Từ Hoàng N, sinh ngày 11/6/2000; Phạm Từ Tuấn A, sinh ngày 09/4/2003; Phạm Từ Thanh T, sinh ngày 02/3/2007 và Phạm Từ Bảo P, sinh ngày 18/02/2011. Các con Phạm Từ Hoàng N, Pham Từ Tuấn A và Phạm Từ Thanh T đã trưởng thành và tự lập được.

Riêng cháu Phạm Từ Bảo P còn đang đi học, ly hôn, các đương sự thống nhất giao cháu P cho cha là Phạm Từ B trực tiếp chăm sóc chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phạm Từ Bảo P thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Bà T và ông B tự nguyện thoả thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà T tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông B và bà T tự nguyện chịu toàn bộ để sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu từ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số

0000492 ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh G. Ông B và bà T đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh G;
- VKSND Khu vực 7;
- THADS tỉnh G;
- UBND phường Hội P, tỉnh G (Số 81, ngày 12/10/2000);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Xuân Hồng